TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85/**2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2023
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Liễu

Ông Đặng Công Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tổ A, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Đinh M , sinh năm 1970. Địa chỉ: XXX Glendale, Hoa Kỳ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2023 và tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đinh M có đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/2011 tại Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn, bà M quay trở về Mỹ sinh sống, còn ông

vẫn sinh sống tại Đà Nẵng, Việt Nam. Sau đó, năm 2014, bà M có về Việt Nam thăm ông hai lần và từ đó đến nay ông bà không còn liên lạc với nhau. Vì khoảng cách địa lý, nên tình cảm phai nhạt. Vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đinh M .

Về con chung: Ông xác định ông và bà Đinh M không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định ông và bà Đinh M không có tài sản chung, nợ chung.

Ông đề nghị Tòa án xem xét rút ngắn thời gian giải quyết vụ án và thống nhất không qua thủ tục hòa giải.

** Bị đơn bà Đinh M trình bày (Theo Đơn trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đại sứ quán Việt Nam tại bang San Francisco, Hoa Kỳ, số: 0709 A/6C HPHLS ngày 07/9/2023):*

Bà đã nhận được giấy triệu tập tham dự phiên tòa của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Hiện nay do sức khỏe không tốt, công việc làm ăn khó khăn không xin phép nghỉ được và địa lý cách trở xa xôi nên không thể trực tiếp tham gia vào vụ án được. Bà đồng ý ly hôn, không có khiếu kiện con chung, về tài sản và nợ chung.

Bà đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và các phiên xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn H. Nơi cư trú: Tổ A, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn bà Đinh M. Địa chỉ: XXX Glendale, Hoa Kỳ nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn ông Nguyễn H và bị đơn bà Đinh M, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bà Đinh M theo đường dịch vụ bưu chính và thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra

nước ngoài theo đường ngoại giao của Bộ Tư pháp theo Luật tương trợ tư pháp. Ngày 18/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được Đơn trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt của bà Đinh M được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đại sứ quán Việt Nam tại bang San Francisco, Hoa Kỳ, số: 0709 A/6C HPHLS ngày 07/9/2023 về yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn H. Vì vậy, HĐXX áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đinh M .

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn H và bà Đinh M đăng ký kết hôn ngày 31/10/2011 tại Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa ông Nguyễn H trình bày: Nguyên nhân bà yêu cầu ly hôn với bà Đinh M là do: Sau khi kết hôn bà M quay lại Hoa Kỳ sinh sống. Năm 2014 bà M có về thăm ông H hai lần rồi quay lại Mỹ sinh sống và từ đó đến nay, ông bà không còn liên lạc với nhau, vì vậy tình cảm phai nhạt. Hiện ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với bà Đinh M .

Còn bà Đinh M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong văn bản trình bày ý kiến bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn H.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn H thấy: Sau khi kết hôn, bà M quay về Hoa Kỳ, còn ông H vẫn sinh sống tại Việt Nam, mỗi người sống mỗi nơi. Xét thấy, hôn nhân giữa ông H và bà M chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn H xác định không có, bà Đinh M không có lời khai về con chung, nên HĐXX không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn H xác định không có, bà Đinh M không có khiếu kiện gì, nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn H phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, ông Nguyễn H phải chịu theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 469, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 122, 123 và 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Ly hôn" của ông Nguyễn H đối với bà Đinh M .

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn H được ly hôn với bà Đinh M .

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005209 ngày 27/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Ông Nguyễn H phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp tống đạt nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 0005220 ngày 10/3/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông H đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Ông Nguyễn H phải chịu 2. 265.275 đồng (tương đương 95 USD). Ông H đã nộp đủ.

5. Về chi phí dịch thuật và chứng thực: Ông Nguyễn H phải chịu 580.000 đồng, ông H đã nộp đủ theo hóa đơn bán hàng số 00000071 ngày 24/4/2023 của Phòng Tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn H được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đinh M vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Thị Thúy Năng